

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ
VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**
CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2023 ĐẾN NGÀY 30/06/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/06/2023
Ông Trần Hữu Hưng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27/06/2023
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Chủ tịch HĐQT	
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên	
Ông Vũ Hải Vĩnh	Thành viên	
Ông Phạm Nguyên Anh	Thành viên	

Ban kiểm soát

Bà Vũ Hoài Anh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Ông Phạm Trung Hoàng	Thành viên

Ban Điều hành và Kế toán trưởng

Ông Vũ Hải Vĩnh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Nguyên Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Dũng	Kế toán Trưởng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Điều hành khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Điều hành Tổng Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Vũ Hải Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Số: 902 /2023/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Việt Nam
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 28 tháng 08 năm 2023, từ trang 06 đến trang 45 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tổng Công ty chỉ nhận được báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty TNHH DM Vina (Công ty liên kết), các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết khác chưa được đánh giá giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại 30/06/2023 do Tổng Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của các Công ty này.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức (Công ty con) đã được kiểm toán, các kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về Báo cáo này do Công ty chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận cho các khoản công nợ, đồng thời, chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá một số mặt hàng tồn kho chậm luân chuyển, chưa thực hiện khấu hao cho một số tài sản cố định và phân bổ công cụ dụng cụ được chuyển về từ Công ty TNHH Công nghệ LED Ánh sáng mới trong năm 2015. Trong báo cáo hợp nhất 6 tháng đầu năm 2023 của Tổng Công ty, chúng tôi chưa được soát xét các vấn đề liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại các Công ty con này. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Tổng Công ty.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (tiếp)

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa (Công ty con) đã được kiểm toán với “Ý kiến kiểm toán ngoại trừ” về vấn đề sau: Theo Biên bản xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 121/BB-VPHC ngày 04/07/2022, ngày 06/07/2022, Thanh tra Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định xử phạt hành chính số 107/QĐ-XPHC: Theo đó, Công ty bị xử phạt hành chính 15.000.000 đồng và bị truy thu toàn bộ số tiền liên quan đến hoạt động cho thuê tài sản gắn liền với đất tại số 97 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh từ 01/07/2013 đến 31/12/2020 số tiền là 43.925.542.468 đồng. Không đồng ý với Quyết định xử phạt hành chính số 107/QĐ-XPHC, ngày 12/07/2022, Công ty và đã gửi Đơn khởi kiện vụ án hành chính tới Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhằm hủy bỏ quyết định nêu trên. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý hồ sơ và có kế hoạch đưa vụ án ra xét xử. Công ty hiện chưa ghi nhận các nội dung theo Quyết định xử phạt hành chính số 107/QĐ-XPHC vào Báo cáo tài chính năm 2022 do đang chờ phán quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2023 của Tổng Công ty, chúng tôi chưa được soát xét các vấn đề liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại các Công ty con này. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp (Công ty con) đã được kiểm toán với “Ý kiến kiểm toán ngoại trừ” do Công ty chưa đánh giá giá trị cần trích lập dự phòng của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, phải thu khó đòi với giá trị là 4.895.279.507 đồng. Trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2023 của Tổng Công ty, chúng tôi chưa được soát xét các vấn đề liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại các Công ty con này. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Tổng Công ty.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2023, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/06/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		562.713.535.897	597.630.050.389
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	88.324.307.053	117.828.589.565
Tiền	111		25.311.307.053	47.915.589.565
Các khoản tương đương tiền	112		63.013.000.000	69.913.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	143.776.396.250	120.634.896.250
Chứng khoán kinh doanh	121		287.396.250	287.396.250
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		143.489.000.000	120.347.500.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		226.272.465.165	253.611.283.756
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	197.636.010.291	227.603.520.195
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24.328.948.332	21.204.143.909
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.900.000.000	2.900.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	37.540.000.612	38.052.963.722
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(36.282.208.521)	(36.299.058.521)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		149.714.451	149.714.451
Hàng tồn kho	140	11	97.543.342.754	95.006.001.124
Hàng tồn kho	141		102.240.419.962	99.867.484.897
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.697.077.208)	(4.861.483.773)
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.797.024.675	10.549.279.694
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	3.672.303.011	3.315.445.141
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.024.376.406	3.933.521.085
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	2.100.345.258	3.300.313.468
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		226.945.695.382	236.716.443.009
Các khoản phải thu dài hạn	210		18.386.412.740	18.386.412.740
Trả trước cho người bán dài hạn	212		18.215.447.540	18.215.447.540
Phải thu dài hạn khác	216	9	170.965.200	170.965.200
Tài sản cố định	220		124.400.852.825	128.441.763.107
Tài sản cố định hữu hình	221	12	88.804.746.064	92.615.890.072
- Nguyên giá	222		237.217.472.608	237.145.472.608
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(148.412.726.544)	(144.529.582.536)
Tài sản cố định vô hình	227	13	35.596.106.761	35.825.873.035
- Nguyên giá	228		46.004.084.706	45.910.667.206
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.407.977.945)	(10.084.794.171)
Bất động sản đầu tư	230	14	7.259.873.199	7.499.504.175
- Nguyên giá	231		37.747.597.125	37.747.597.125
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(30.487.723.926)	(30.248.092.950)
Tài sản dở dang dài hạn	240		18.518.630.033	18.482.266.397
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6	18.518.630.033	18.482.266.397

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	51.463.556.854	56.345.345.893
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		52.963.556.854	58.145.345.893
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		300.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		6.916.369.731	7.561.150.697
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	4.893.088.068	5.593.647.003
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.023.281.663	1.967.503.694
TỔNG TÀI SẢN	270		789.659.231.279	834.346.493.398

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		235.703.197.426	259.766.224.500
Nợ ngắn hạn	310		156.083.403.644	186.571.366.784
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	95.614.766.927	128.603.906.091
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.110.932.135	9.713.344.864
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	5.948.101.290	2.823.705.601
Phải trả người lao động	314		8.384.357.522	11.744.546.637
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	11.054.371.825	3.989.456.044
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	317		2.069.679.316	2.263.071.042
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		570.335.000	821.905.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	11.755.744.301	8.927.633.999
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	4.402.363.710	9.781.779.564
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	4.265.872.500	5.634.200.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.906.879.118	2.267.817.942
Nợ dài hạn	330		79.619.793.782	73.194.857.716
Chi phí phải trả dài hạn	333	17	13.722.924.781	11.444.034.936
Phải trả dài hạn khác	337	18	34.902.113.365	36.190.292.171
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		30.994.755.636	25.560.530.609
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		553.956.033.853	574.580.268.898
Vốn chủ sở hữu	410	20	553.596.033.853	574.220.268.898
Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(13.064.952.951)	(13.064.952.951)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(19.974.146.692)	(19.974.146.692)
Quỹ đầu tư phát triển	418		54.491.808.763	54.302.128.521
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.619.705	26.619.705
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(37.854.819.430)	(17.983.601.036)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(22.710.988.304)	(14.331.972.429)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(15.143.831.126)	(3.651.628.607)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		131.971.524.457	132.914.221.350
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		360.000.000	360.000.000
Nguồn kinh phí	431		360.000.000	360.000.000
TỔNG NGUỒN VỐN	440		789.659.231.279	834.346.493.398

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Vũ Văn Tuấn

Nguyễn Trung Dũng

Vũ Hải Vĩnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	138.920.432.566	247.898.114.058
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	74.006.682	666.279.918
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		138.846.425.884	247.231.834.140
Giá vốn hàng bán	11	23	76.465.161.240	183.039.780.719
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62.381.264.644	64.192.053.421
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	4.605.499.660	4.626.197.097
Chi phí tài chính	22	25	367.951.439	234.187.472
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		219.076.053	234.187.472
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(3.671.536.040)	(3.448.663.167)
Chi phí bán hàng	25	26	25.614.528.507	27.895.793.071
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	37.996.323.333	35.154.494.156
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(663.575.015)	2.085.112.652
Thu nhập khác	31	27	1.174.509.483	1.025.898.569
Chi phí khác	32	28	6.725.632.935	413.401.720
Lợi nhuận khác	40		(5.551.123.452)	612.496.849
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.214.698.467)	2.697.609.501
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.484.705.602	2.292.495.564
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	5.378.447.057	2.573.978.650
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(14.077.851.126)	(2.168.864.713)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(17.863.920.152)	(6.551.559.950)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.786.069.026	4.382.695.237
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	(408)	(150)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	(408)	(150)

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Văn Tuấn



Nguyễn Trung Dũng



Vũ Hải Vinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	(6.214.698.467)	2.697.609.501
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.445.958.758	4.152.532.214
Các khoản dự phòng	03	(1.549.584.065)	(413.092.727)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối	04	(50.612.507)	(986.111)
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05	734.209.481	(5.638.449.734)
Chi phí lãi vay	06	219.076.053	234.187.472
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(2.415.650.747)	1.031.800.615
trước thay đổi vốn lưu động			
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	31.409.003.511	12.035.642.477
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.372.935.065)	6.688.189.850
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể	11	(30.085.733.823)	62.080.269
lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)			
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	250.283.565	989.761.045
Tiền lãi vay đã trả	14	(219.076.053)	(234.187.472)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.401.952.646)	(692.011.637)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	331.813.463
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(46.926.602)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20	(4.882.987.860)	20.213.088.610
doanh			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và	21	(108.363.636)	-
các tài sản dài hạn khác			
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và	22	-	579.761.311
các tài sản dài hạn khác			
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	(91.841.500.000)	(69.500.000.000)
của đơn vị khác			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ	24	68.400.000.000	53.175.208.791
nợ của đơn vị khác			
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	4.447.579.558	5.638.449.734
chia			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu	30	(19.102.284.078)	(10.106.580.164)
tu			

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	3.477.363.710	4.093.367.530
Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.856.779.564)	(12.918.337.104)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(140.501.200)	(7.610.005.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.519.917.055)	(16.434.974.574)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 4	117.828.589.565	111.069.719.443
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	906.481	986.111
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 4	88.324.307.053	104.742.239.426

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Dũng

Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sang Tổng Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/09/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và chính thức hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 05 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp lại số: 0100103351) ngày 04/12/2017 và thay đổi lần thứ 06 ngày 21/07/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 15 đường Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Văn phòng giao dịch của Tổng Công ty tại Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 438.000.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng).

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2023 là 76 người (tại 31/12/2022 là 79 người)

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyên gia công nghệ thông tin, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Văn phòng Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Quyền sở hữu và biểu quyết
I	Đơn vị hạch toán phụ thuộc			
1	Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics	Số 118 Cát Bi, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ cán bộ có trình độ cao đẳng và trình độ thấp hơn trong lĩnh vực điện tử, tin học và các lĩnh vực khác được Nhà nước cho phép	
II	Công ty con			
1	Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	15C Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện, điện tử	97,01%
2	Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hoà	204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán sản phẩm điện, điện tử	51,00%
3	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	248A Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện tử	55,54%
4	Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà	52-54 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử	51,00%
5	Công ty Cổ phần công trình Viettronics	Tầng 5, toà nhà Sudico, đường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Giám sát, thi công xây dựng công trình điện	65,00%
6	Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Sản xuất sản phẩm điện tử	91,86%
III	Công ty liên doanh, liên kết			
1	Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền Thông	Số 18 Nguyễn Chí Thanh, quận Ba Đình, Hà Nội	Sản xuất, mua bán chương trình đào tạo, phần mềm máy tính	35,70%
2	Công ty Cổ phần Viettronimex	74 – 76 Nguyễn Huệ, quận 1, Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	42,16%
3	Công ty CP Cơ Khí Điện tử Phú Thọ Hoà	1026B Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử	33,77%
4	Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	26 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, quận 1, Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	28,52%
5	Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao	48BT3 – Khu biệt thự bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, TP Hà Nội	Sản xuất, Thương mại và dịch vụ	49%
6	Công ty TNHH DM Vina	Lô CN07 Khu công nghiệp Bình Xuyên II, Bá Hiến, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	Sản xuất sản phẩm từ plastic	41,74%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC), Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Tất các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty và các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại Công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ góp vốn (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác. Trường hợp có sự khác biệt giữa tỷ lệ vốn góp theo giấy đăng ký kinh doanh và tỷ lệ vốn thực góp thì tỷ lệ lợi ích được xác định theo điều lệ doanh nghiệp hoặc theo sự thống nhất giữa các bên.

Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Phần sở hữu của Cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên danh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT (TIẾP)

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần vốn góp của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Khi bán công ty con giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Tổng Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Tổng Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iv) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (v) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong năm là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.10 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Tổng Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và lắp đặt

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Tổng Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tổng Công ty, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	1.331.317.150	823.864.648
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.979.989.903	47.091.724.917
- Các khoản tương đương tiền (*)	63.013.000.000	69.913.000.000
Cộng	88.324.307.053	117.828.589.565

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.672.303.011	3.315.445.141
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	38.335.425	100.257.572
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.633.967.586	3.215.187.569
b) Dài hạn	4.893.088.068	5.593.647.003
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	209.025.119	399.138.148
- Chi phí sửa chữa	191.428.759	-
- Phí duy trì tên miền, web, chữ ký số, phí bản quyền phần mềm	2.056.502	99.753.752
- Chi phí thuê văn phòng	3.370.303.045	3.419.030.317
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.120.274.643	1.675.724.786
Cộng	8.565.391.079	8.909.092.144

6. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỜ DANG

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	18.518.630.033	18.482.266.397
- Công trình Trụ sở Tổng Công ty tại Cầu Giấy, Hà Nội	4.823.257.272	4.786.893.636
- Công trình tại Trường Cao đẳng Viettronics	621.809.578	621.809.578
- Công trình VTB Green Building tại 06 Phạm Văn Hai, Quận Tân Bình	9.444.148.637	9.444.148.637
- Các dự án khác	3.629.414.546	3.629.414.546
Cộng	18.518.630.033	18.482.266.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	287.396.250	-	287.396.250	-
Cổ phiếu	287.396.250	-	287.396.250	-
Cộng	287.396.250	-	287.396.250	-

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
Ngắn hạn	143.489.000.000	143.489.000.000	120.347.500.000	120.347.500.000
Tiền gửi có kỳ hạn	143.489.000.000	143.489.000.000	120.347.500.000	120.347.500.000
Dài hạn	300.000.000	300.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	300.000.000	300.000.000	-	-
Cộng	143.789.000.000	143.789.000.000	120.347.500.000	120.347.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

7 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

c) Đầu tư vào công ty liên kết

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Khoản điều chỉnh tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi hoặc lỗ của Công ty liên kết sau ngày đầu tư	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Khoản điều chỉnh tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi hoặc lỗ của Công ty liên kết sau ngày đầu tư	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	80.657.568.728	(29.494.011.874)	51.163.556.854	80.657.568.728	(24.312.222.834)	56.345.345.893
+ Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền Thông Việt Nam	21.684.417.517	378.818.997	22.063.236.514	21.684.417.517	378.818.997	22.063.236.514
+ Công ty Cổ phần Viettronimex	13.987.729.333	2.379.069.129	16.366.798.462	13.987.729.333	3.683.337.129	17.671.066.462
+ Công ty Đầu tư Y tế Kỹ thuật cao Amec	1.276.595.137	(1.276.595.137)	-	1.276.595.137	(1.276.595.137)	-
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	2.278.518.130	(318.084.796)	1.960.433.334	2.278.518.130	(214.759.796)	2.063.758.334
+ Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	895.348.195	55.683.183	951.031.378	895.348.195	158.343.183	1.053.691.378
+ Công ty TNHH DM Vina	38.846.960.416	(29.024.903.251)	9.822.057.165	38.846.960.416	(25.353.367.212)	13.493.593.204
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	510.000.000	(510.000.000)	-	510.000.000	(510.000.000)	-
+ Công ty Cổ phần Belco Hà Nội	1.178.000.000	(1.178.000.000)	-	1.178.000.000	(1.178.000.000)	-
Cộng	80.657.568.728	(29.494.011.874)	51.163.556.854	80.657.568.728	(24.312.222.834)	56.345.345.893

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	197.636.010.291	(19.707.429.182)	227.603.520.195	(19.707.429.182)
- Công ty TNHH Đầu tư thương mại và Xuất nhập khẩu Khang Phúc	23.376.666.534	-	23.376.666.534	-
- Ban quản lý dự án Điện 2 - CN Tập đoàn điện lực Việt Nam	21.760.293.600	-	21.760.293.600	-
- Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc - CN Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia	25.744.638.940	-	28.916.746.716	-
- Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	(2.800.000.000)	2.800.000.000	(2.800.000.000)
- Công ty Cổ phần AKA Việt Nam	22.513.690.713	-	24.703.643.705	-
- Các đối tượng khác	101.440.720.504	(16.907.429.182)	126.046.169.640	(16.907.429.182)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	197.636.010.291	(19.707.429.182)	227.603.520.195	(19.707.429.182)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	37.540.000.612	(10.706.163.365)	38.052.963.722	(10.706.163.365)
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	12.069.470.915	-	11.917.890.175	-
- Ký cược, ký quỹ	433.074.370	-	1.529.169.814	-
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.472.278.773	-	3.023.215.480	-
- Phải thu BHXH, BHYT, KPCĐ	5.201.656	-	23.441.180	-
- Phải thu về cổ phần hóa ngắn hạn	66.912.500	-	67.910.000	-
- Các khoản phải thu khác ngắn hạn	22.493.062.398	(10.706.163.365)	21.491.337.073	(10.706.163.365)
- Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	(2.107.997.573)	2.107.997.573	(2.107.997.573)
- Doanh nghiệp tư nhân TM Ngân Long	2.570.029.600	(2.570.029.600)	2.570.029.600	(2.570.029.600)
- Công ty TNHH Kiến Quang	2.200.000.000	(2.200.000.000)	2.200.000.000	(2.200.000.000)
- Thu từ cán bộ công nhân viên đất Long An	2.694.230.000	-	2.694.230.000	-
- Các đối tượng khác	12.920.805.225	(3.828.136.192)	11.919.079.900	(3.828.136.192)
b) Dài hạn	170.965.200	-	170.965.200	-
- Ký cược, ký quỹ	59.220.000	-	74.720.000	-
- Phải thu khác	111.745.200	-	96.245.200	-
Cộng	37.710.965.812	(10.706.163.365)	38.223.928.922	(10.706.163.365)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

10. NỢ XẤU

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND		VND	VND
Phải thu khách hàng	26.100.900.858	(19.685.729.182)	6.415.171.676	26.100.900.858	(19.697.429.182)	6.403.471.676
- Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	3.779.118.106	(3.774.418.106)	4.700.000	3.779.118.106	(3.774.418.106)	4.700.000
+ Công ty TNHH Kiến Quang	2.671.677.540	(2.671.677.540)	-	2.671.677.540	(2.671.677.540)	-
+ Công ty Cổ phần Điện tử Thủ đức 1	668.107.020	(668.107.020)	-	668.107.020	(668.107.020)	-
+ Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long	97.369.095	(97.369.095)	-	97.369.095	(97.369.095)	-
+ Công ty Cổ phần TMDV Bình Minh	273.131.651	(273.131.651)	-	273.131.651	(273.131.651)	-
+ Ông/Bà Huỳnh Anh Hiệp	68.832.800	(64.132.800)	4.700.000	68.832.800	(64.132.800)	4.700.000
- Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	5.437.682.713	(4.793.815.123)	643.867.590	5.437.682.713	(4.793.815.123)	643.867.590
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	3.319.190.948	(3.319.190.948)	-	3.319.190.948	(3.319.190.948)	-
+ Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Bạc Việt	747.000.000	(747.000.000)	-	747.000.000	(747.000.000)	-
+ Các đối tượng khác	1.371.491.765	(727.624.175)	643.867.590	1.371.491.765	(727.624.175)	643.867.590
- Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	6.097.945.084	(1.237.312.937)	4.860.632.147	6.097.945.084	(1.237.312.937)	4.860.632.147
+ Công ty CP Viettronics Thủ Đức 1	3.947.469.943	(1.184.240.983)	2.763.228.960	3.947.469.943	(1.184.240.983)	2.763.228.960
+ Các đối tượng khác	2.150.475.141	(53.071.954)	2.097.403.187	2.150.475.141	(53.071.954)	2.097.403.187
- Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	587.070.283	(587.070.283)	-	587.070.283	(587.070.283)	-
+ Công ty Liên doanh Golf Hà Nội	484.966.883	(484.966.883)	-	484.966.883	(484.966.883)	-
+ Công ty Phát triển công nghệ & Thương mại Đồng Đa	102.103.400	(102.103.400)	-	102.103.400	(102.103.400)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

10 NỢ XẤU (TIẾP)

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND		VND	VND
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	1.423.595.907	(1.103.481.107)	320.114.800	1.423.595.907	(1.103.481.107)	320.114.800
+ Công ty Điện tử Công nghiệp CDC	455.085.690	(455.085.690)	-	455.085.690	(455.085.690)	-
+ Công ty Cổ phần Viettronic Đồng Đa	484.501.900	(484.501.900)	-	484.501.900	(484.501.900)	-
+ Các đối tượng khác	484.008.317	(163.893.517)	320.114.800	484.008.317	(163.893.517)	320.114.800
- Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	2.159.913.454	(1.574.056.315)	585.857.139	2.159.913.454	(1.585.756.315)	574.157.139
+ Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Cường Nga	253.666.364	(106.748.392)	146.917.972	253.666.364	(106.748.392)	146.917.972
+ Các đối tượng khác	1.906.247.090	(1.467.307.923)	438.939.167	1.906.247.090	(1.479.007.923)	427.239.167
- Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện tử và Tin học Việt nam	6.615.575.311	(6.615.575.311)	-	6.615.575.311	(6.615.575.311)	-
+ Công ty Điện tử Công nghiệp	1.161.897.311	(1.161.897.311)	-	1.161.897.311	(1.161.897.311)	-
+ Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	(2.800.000.000)	-	2.800.000.000	(2.800.000.000)	-
+ Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư Phát triển Đô thị	2.653.678.000	(2.653.678.000)	-	2.653.678.000	(2.653.678.000)	-
Trả trước cho người bán	7.158.067.580	(5.895.465.974)	1.262.601.606	7.158.067.580	(5.895.465.974)	1.262.601.606
- Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện tử và Tin học Việt nam	4.854.351.000	(4.854.351.000)	-	4.854.351.000	(4.854.351.000)	-
+ Công ty TNHH TMDV Ngân Thịnh	4.854.351.000	(4.854.351.000)	-	4.854.351.000	(4.854.351.000)	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	1.803.716.580	(541.114.974)	1.262.601.606	1.803.716.580	(541.114.974)	1.262.601.606
+ Foshan Runpeng Electronic Limited Company	1.803.716.580	(541.114.974)	1.262.601.606	1.803.716.580	(541.114.974)	1.262.601.606

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

10 NỢ XẤU (TIẾP)

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	500.000.000	(500.000.000)	-	500.000.000	(500.000.000)	-
+ Công ty TNHH Thương mại và Quảng cáo Nhị Hà	500.000.000	(500.000.000)	-	500.000.000	(500.000.000)	-
Các khoản phải thu khác	11.463.675.962	(10.701.013.365)	762.662.597	11.463.675.962	(10.706.163.365)	757.512.597
- Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	6.719.188.518	(6.719.188.518)	-	6.719.188.518	(6.719.188.518)	-
+ Doanh nghiệp tư nhân TM Ngân Long	2.570.029.600	(2.570.029.600)	-	2.570.029.600	(2.570.029.600)	-
+ Công ty TNHH Kiến Quang	2.200.000.000	(2.200.000.000)	-	2.200.000.000	(2.200.000.000)	-
+ Công Ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	1.949.158.918	(1.949.158.918)	-	1.949.158.918	(1.949.158.918)	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	1.825.674.571	(1.204.811.380)	620.863.191	1.825.674.571	(1.204.811.380)	620.863.191
+ Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	1.508.127.600	(1.132.831.259)	375.296.341	1.508.127.600	(1.132.831.259)	375.296.341
+ Các đối tượng khác	317.546.971	(71.980.121)	245.566.850	317.546.971	(71.980.121)	245.566.850
- Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	459.401.649	(317.602.243)	141.799.406	459.401.649	(322.752.243)	136.649.406
+ Các khoản phải thu khác	459.401.649	(317.602.243)	141.799.406	459.401.649	(322.752.243)	136.649.406
- Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện tử và Tin học Việt nam	2.459.411.224	(2.459.411.224)	-	2.459.411.224	(2.459.411.224)	-
+ Công ty TNHH TMDV Ngân Thịnh	2.107.997.573	(2.107.997.573)	-	2.107.997.573	(2.107.997.573)	-
+ Công ty CP Điện tử Hải Phòng	120.067.263	(120.067.263)	-	120.067.263	(120.067.263)	-
+ Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	231.346.388	(231.346.388)	-	231.346.388	(231.346.388)	-
Cộng	44.722.644.400	(36.282.208.521)	8.440.435.879	44.722.644.400	(36.299.058.521)	8.423.585.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)***11. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng đang đi trên đường	806.252.772	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	11.761.371.494	(824.486.433)	10.259.834.496	(824.486.433)
- Công cụ, dụng cụ	267.811.034	(74.748.878)	234.577.593	(74.748.878)
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.519.829.631	(20.695.324)	34.962.159.250	(20.695.324)
- Thành phẩm	34.447.484.756	(2.780.115.187)	35.244.123.074	(2.780.115.187)
- Hàng hóa	20.945.115.962	(997.031.387)	18.695.090.281	(1.161.437.952)
- Hàng gửi bán	492.554.313	-	471.700.203	-
Cộng	102.240.419.962	(4.697.077.208)	99.867.484.897	(4.861.483.773)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2023	163.957.442.690	50.877.210.990	20.869.902.811	956.166.117	484.750.000	237.145.472.608
- Mua trong kỳ	-	72.000.000	-	-	-	72.000.000
30/06/2023	<u>163.957.442.690</u>	<u>50.949.210.990</u>	<u>20.869.902.811</u>	<u>956.166.117</u>	<u>484.750.000</u>	<u>237.217.472.608</u>
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2023	(90.448.963.898)	(35.395.980.025)	(17.855.630.507)	(824.610.172)	(4.397.933)	(144.529.582.536)
- Khấu hao trong kỳ	(1.975.156.744)	(1.447.317.350)	(393.919.806)	(36.453.234)	(30.296.874)	(3.883.144.008)
30/06/2023	<u>(92.424.120.642)</u>	<u>(36.843.297.375)</u>	<u>(18.249.550.313)</u>	<u>(861.063.406)</u>	<u>(34.694.807)</u>	<u>(148.412.726.544)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2023	<u>73.508.478.792</u>	<u>15.481.230.965</u>	<u>3.014.272.304</u>	<u>131.555.945</u>	<u>480.352.067</u>	<u>92.615.890.072</u>
30/06/2023	<u>71.533.322.048</u>	<u>14.105.913.615</u>	<u>2.620.352.498</u>	<u>95.102.711</u>	<u>450.055.193</u>	<u>88.804.746.064</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2023 là 101.726.650.318 đồng (Tại 31/12/2022 là 101.358.685.318 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	TSCĐ vô hình khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2023	43.964.970.144	1.641.268.433	304.428.629	45.910.667.206
Kết chuyển từ chi phí trả - trước dài hạn sang	-	93.417.500	-	93.417.500
30/06/2023	<u>43.964.970.144</u>	<u>1.734.685.933</u>	<u>304.428.629</u>	<u>46.004.084.706</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
01/01/2023	(8.139.097.109)	(1.641.268.433)	(304.428.629)	(10.084.794.171)
- Khấu hao trong kỳ	(304.500.276)	(9.341.750)	-	(313.842.026)
Kết chuyển từ chi phí trả - trước dài hạn sang	-	(9.341.748)	-	(9.341.748)
30/06/2023	<u>(8.443.597.385)</u>	<u>(1.659.951.931)</u>	<u>(304.428.629)</u>	<u>(10.407.977.945)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2023	<u>35.825.873.035</u>	-	-	<u>35.825.873.035</u>
30/06/2023	<u>35.521.372.759</u>	<u>74.734.002</u>	-	<u>35.596.106.761</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2023 là: 340.090.400 đồng (Tại 31/12/2022 là: 340.090.400 đồng)

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2023 <u>VND</u>	Tăng trong kỳ <u>VND</u>	Giảm trong kỳ <u>VND</u>	30/06/2023 <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	37.747.597.125	-	-	37.747.597.125
- Cơ sở hạ tầng	14.568.066.462	-	-	14.568.066.462
- Nhà cửa, vật kiến trúc	19.368.137.763	-	-	19.368.137.763
- Quyền sử dụng đất	3.811.392.900	-	-	3.811.392.900
GIÁ TRỊ HAO MÒN	(30.248.092.950)			(30.487.723.926)
LŨY KẾ				
- Cơ sở hạ tầng	(13.638.810.952)	-	-	(13.638.810.952)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	(14.616.345.210)	(210.221.982)	-	(14.826.567.192)
- Quyền sử dụng đất	(1.992.936.788)	(29.408.994)	-	(2.022.345.782)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	7.499.504.175	(239.630.976)	-	7.259.873.199
- Cơ sở hạ tầng	929.255.510	-	-	929.255.510
- Nhà cửa, vật kiến trúc	4.751.792.553	(210.221.982)	-	4.541.570.571
- Quyền sử dụng đất	1.818.456.112	(29.408.994)	-	1.789.047.118

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ		trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	95.614.766.927	95.614.766.927	128.603.906.091	128.603.906.091
- Công ty Cổ phần YOTEK	29.430.504.840	29.430.504.840	26.148.400.480	26.148.400.480
- Công ty TNHH truyền thông năng lượng Thái Lê	3.544.881.137	3.544.881.137	14.944.956.877	14.944.956.877
- Công ty Cổ Phần Meditronic	6.934.830.000	6.934.830.000	6.934.830.000	6.934.830.000
- Công ty Cổ phần tiết kiệm năng lượng ESE CORP	6.091.063.662	6.091.063.662	16.091.063.662	16.091.063.662
- Các đối tượng khác	49.613.487.288	49.613.487.288	64.484.655.072	64.484.655.072
Cộng	95.614.766.927	95.614.766.927	128.603.906.091	128.603.906.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/khấu trừ trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.441.686.068	10.661.782.745	9.193.478.345	2.909.990.468
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	474.881.094	474.881.094	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	92.528.367	85.686.306	6.842.061
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	665.460.043	1.160.681.310	1.297.364.792	528.776.561
- Thuế thu nhập cá nhân	591.913.424	568.627.697	1.035.409.001	125.132.120
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	124.646.066	9.686.161.623	7.433.447.609	2.377.360.080
- Thuế bảo vệ môi trường	-	7.000.000	7.000.000	-
- Các loại thuế khác	-	1.116.760.472	1.116.760.472	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	16.415.778	16.415.778	-
Cộng	2.823.705.601	23.784.839.086	20.660.443.397	5.948.101.290
	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/khấu trừ trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	19.499.775	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.278.900.298	1.324.302.070	104.587.854	2.059.186.082
- Thuế thu nhập cá nhân	1.913.395	1.374.999	13.549.999	14.088.395
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	27.070.781	27.070.781
Cộng	3.300.313.468	1.325.677.069	145.208.634	2.100.345.258

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	11.054.371.825	3.989.456.044
- Trích trước chi phí hỗ trợ quảng cáo nhà phân phối khu vực phía Nam	441.058.872	557.919.509
- Chi phí vận chuyển, lắp đặt	184.928.043	-
- Chi phí du lịch	294.042.337	294.042.337
- Chi phí bán hàng	-	201.389.267
- Trích trước chi phí khác	10.134.342.573	2.936.104.931
b) Dài hạn	13.722.924.781	11.444.034.936
- Truy thu tiền thuê đất tại nhà máy Biên Hòa	3.497.356.796	3.497.356.796
- Trích chi phí thuê đất KCN Cát Lái	3.625.567.985	3.346.678.140
- Các khoản khác	6.600.000.000	4.600.000.000
Cộng	24.777.296.606	15.433.490.980

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	11.755.744.301	8.927.633.999
- Kinh phí công đoàn	402.536.669	203.344.019
- Bảo hiểm xã hội	66.274.482	25.622.315
- Bảo hiểm y tế	2.700.000	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.200.000	-
- Phải trả về cổ phần hóa	25.927.500	25.927.500
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.113.122.650	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.143.983.000	8.583.246.462
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	4.321.843.600	3.213.901.800
+ <i>CBCNV ứng tiền mua đất tại Long An</i>	1.302.400.000	1.302.400.000
+ <i>Khoản phải trả phải nộp khác</i>	1.519.739.400	4.066.944.662
b) Dài hạn	34.902.113.365	36.190.292.171
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	34.902.113.365	36.003.644.571
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	186.647.600
Cộng	46.657.857.666	45.117.926.170

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	30/06/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	4.402.363.710	4.402.363.710	3.477.363.710	8.856.779.564	9.781.779.564	9.781.779.564
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch III (1)	3.477.363.710	3.477.363.710	3.477.363.710	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	-	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội	-	-	-	316.779.564	316.779.564	316.779.564
- Ông Hoàng Lê Minh (2)	260.000.000	260.000.000	-	540.000.000	800.000.000	800.000.000
- Ông Nguyễn Khang Trang (2)	317.000.000	317.000.000	-	-	317.000.000	317.000.000
- Ông Nguyễn Đức Trường (2)	148.000.000	148.000.000	-	-	148.000.000	148.000.000
- Các đối tượng khác (2)	200.000.000	200.000.000	-	-	200.000.000	200.000.000
Cộng	4.402.363.710	4.402.363.710	3.477.363.710	8.856.779.564	9.781.779.564	9.781.779.564

(1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022/324800/HĐTĐHM ngày 06/12/2022 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch III, với các điều khoản cụ thể như sau:

- Hạn mức: 130.000.000.000 đồng;
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (Không bao gồm hoạt động đầu tư trung dài hạn và đầu tư tài chính);
- Thời hạn cấp hạn mức: Đến ngày 30/11/2023;
- Lãi suất: quy định trên từng Giấy nhận nợ.

(2) Các khoản vay cá nhân có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất 0%/năm - 5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	438.000.000.000	(13.064.952.951)	(19.974.146.692)	54.302.128.521	26.619.705	(13.418.240.794)	131.828.094.709	577.699.502.498
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(3.651.628.607)	16.263.314.419	12.611.685.812
- Phân phối lợi nhuận trong năm của Công ty Cổ phần Điện Tử Biên Hòa	-	-	-	-	-	(637.500.000)	(3.552.500.000)	(4.190.000.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(637.500.000)	(612.500.000)	(1.250.000.000)
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(2.940.000.000)	(2.940.000.000)
- Phân phối lợi nhuận tại Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	-	-	-	-	-	(276.231.636)	(11.624.687.777)	(11.900.919.413)
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(276.231.636)	(221.114.895)	(497.346.531)
+ Cổ tức năm 2021	-	-	-	-	-	-	(2.401.786.441)	(2.401.786.441)
+ Tạm ứng chi cổ tức năm 2022 (*)	-	-	-	-	-	-	(2.401.786.441)	(2.401.786.441)
+ Giảm khác tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	(6.600.000.000)	(6.600.000.000)
<i>Phân phối lợi nhuận năm 2021 tại Công ty con</i>	-	-	-	-	-	-	<i>(6.600.000.000)</i>	<i>(6.600.000.000)</i>
31/12/2022	438.000.000.000	(13.064.952.951)	(19.974.146.692)	54.302.128.521	26.619.705	(17.983.601.036)	132.914.221.350	574.220.268.898

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

20 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	438.000.000.000	(13.064.952.951)	(19.974.146.692)	54.302.128.521	26.619.705	(17.983.601.036)	132.914.221.350	574.220.268.898
- Lỗi trong kỳ này	-	-	-	-	-	(17.863.920.152)	3.786.069.026	(14.077.851.126)
- Phân phối lợi nhuận trong năm của Công ty Cổ phần Điện Tử Biên Hòa	-	-	-	-	-	(418.200.000)	(1.871.800.000)	(2.290.000.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (1)	-	-	-	-	-	(367.200.000)	(352.800.000)	(720.000.000)
+ Chia cổ tức (1)	-	-	-	-	-	-	(1.470.000.000)	(1.470.000.000)
+ Thưởng cho HĐQT và Ban Kiểm soát (1)	-	-	-	-	-	(51.000.000)	(49.000.000)	(100.000.000)
- Phân phối lợi nhuận tại các công ty con của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	-	-	-	189.680.242	-	(1.589.098.242)	(2.856.965.920)	(4.256.383.919)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển (2)	-	-	-	189.680.242	-	(189.680.242)	-	-
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (2)	-	-	-	-	-	(1.318.787.778)	(1.055.648.897)	(2.374.436.676)
+ Cổ tức năm 2022 (2)	-	-	-	-	-	-	(1.249.968.000)	(1.249.968.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ở công ty con (3)	-	-	-	-	-	-	(486.690.355)	(486.690.355)
+ Thưởng cho HĐQT và Ban Kiểm soát (4)	-	-	-	-	-	(80.479.025)	(64.420.975)	(144.900.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(151.196)	(237.693)	(388.889)
30/06/2023	438.000.000.000	(13.064.952.951)	(19.974.146.692)	54.491.808.763	26.619.705	(37.854.819.430)	131.971.524.457	553.596.033.853

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

- (1) Phân phối lợi nhuận theo nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2023 của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa;
(2) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 21/2023/NQ-VTB-HĐQT ngày 15/04/2023 của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình;
(3) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2023/NQ-JSVTB ngày 09/03/2023 của Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB;
(4) Chi thưởng theo NQ số: 21/2023-NQ-VTB-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2023 và QĐ số: 13/2023/QĐ-VTB-HĐQT ngày 21/04/2023 của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình.

20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	385.297.500.000	385.297.500.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	52.702.500.000	52.702.500.000
Cộng	438.000.000.000	438.000.000.000

20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	438.000.000.000	438.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
a) Doanh thu	138.920.432.566	247.898.114.058
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	138.920.432.566	247.898.114.058
Cộng	138.920.432.566	247.898.114.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	74.006.682	666.279.918
Trong đó:		
+ Chiết khấu thương mại	51.695.060	148.534.490
+ Giảm giá hàng bán	-	17.745.428
+ hàng bán bị trả lại	22.311.622	500.000.000
Cộng	74.006.682	666.279.918

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.465.161.240	183.039.780.719
Cộng	76.465.161.240	183.039.780.719

24. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.447.579.558	3.275.185.743
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.172.440.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	107.307.595	168.079.938
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	50.612.507	10.491.416
Cộng	4.605.499.660	4.626.197.097

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Chi phí lãi vay	219.076.053	234.187.472
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	142.952.808	-
- Chi phí tài chính khác	5.922.578	-
Cộng	367.951.439	234.187.472

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	37.996.323.333	35.154.494.156
- Chi phí nhân viên	20.716.695.296	20.217.588.397
- Chi phí đồ dùng văn phòng	496.412.359	388.671.311
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.247.180.335	1.184.133.130
- Chi phí dự phòng	(16.850.000)	(653.349.145)
- Chi phí thuế, phí, lệ phí	5.365.190.312	2.654.001.702
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.994.373.155	1.257.715.410
- Chi phí bằng tiền khác	8.193.321.876	10.105.733.351
b) Các khoản chi phí bán hàng	25.614.528.507	27.895.793.071
- Chi phí nhân viên	5.748.426.492	7.003.529.841
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.195.328.787	1.767.826.770
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.856.978.122	2.823.774.615
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(1.404.695.870)	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.381.807.692	2.908.058.784
- Chi phí bán hàng khác	14.836.683.284	13.392.603.061

27. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Truy thu thuế theo Quyết định số 1519/QĐ-CTHN-TTKT4-XPVPHC ngày 12/01/2023	5.526.357.800	-
- Các khoản bị phạt	1.116.371.535	47.034.163
- Các khoản chi phí khác	82.903.600	366.367.557
Cộng	6.725.632.935	413.401.720

28. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	38.802.915.153	95.807.858.997
- Chi phí nhân công	43.321.095.151	40.681.517.178
- Chi phí dự phòng	(1.421.545.870)	(653.349.145)
- Khấu hao tài sản cố định	4.135.705.340	4.167.661.764
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.882.333.454	12.506.119.989
- Chi phí bằng tiền khác	31.625.586.507	30.681.620.315
Cộng	127.346.089.735	183.191.429.098

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.484.705.602	2.292.495.564
+ Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	408.759.571	263.677.138
+ Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	751.921.739	676.853.004
+ Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	1.324.024.292	1.351.965.422
	<u>2.484.705.602</u>	<u>2.292.495.564</u>

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế (phát sinh tại Công ty con)	(202.224)	(39.389.448)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	5.378.649.281	2.613.368.098
Cộng	<u>5.378.447.057</u>	<u>2.573.978.650</u>

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(17.863.920.152)	(6.551.559.950)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	43.800.000	43.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(408)	(150)

32. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

33. THÔNG TIN KHÁC

33.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Cổ tức được chia			
Công ty Cổ phần Cơ khí - Điện tử Phú Thọ Hoà	Công ty liên kết	103.325.000	-
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	Công ty liên kết	102.660.000	85.550.000
Công ty Cổ phần Viettronimex	Công ty liên kết	1.304.268.000	1.086.890.000

Số dư các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu về cổ tức			
- Công ty Cổ phần Viettronimex	Công ty liên kết	652.288.000	-
- Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	Công ty liên kết	102.660.000	-
Phải thu khác			
- Công ty TNHH DM Vina	Công ty liên kết	230.496.948	230.496.948

Thu nhập của HĐQT và Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Trần Hữu Hưng	Chủ tịch HĐQT	24.000.000	-
Vũ Hải Vĩnh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	230.130.000	207.520.000
Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT đến ngày 27/6/2022	-	148.968.182
Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên HĐQT	178.320.000	189.560.000
Nguyễn Văn Đông	Thành viên HĐQT	175.830.000	151.160.000
Phạm Nguyên Anh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	184.420.000	171.660.000
Nguyễn Trung Dũng	Kế toán trưởng	194.750.000	148.968.182
Vũ Hoài Anh	Trưởng ban kiểm soát	166.020.000	153.360.000
Nguyễn Văn Chính	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000	-
Phạm Trung Hoàng	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000	-
Tổng		1.177.470.000	1.171.196.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.2 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tổng Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

33.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023


Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Văn Tuấn



Nguyễn Trung Dũng



Vũ Hải Vinh